TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 103/2022/QĐST-DS	*Hưng Nguyên, ngày 20 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTB; sinh năm: 1983; địa chỉ: xóm , xã C, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Chị LTH; sinh năm: 1978; Địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông NVD– Văn phòng luật sư D và Cộng Sự; Địa chỉ: số nhà X, đường T, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh NVD; sinh năm: 1978; Địa chỉ: Xóm X (Xóm X cũ), xã L, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông NTD và bà PTN;

Thuộc văn phòng luật sư TD và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; Địa chỉ: số nhà X, tầng X, chung cư P, khu đô thị mới Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NVT; sinh năm: 1948 và bà LTT; sinh năm: 1948; Cùng địa chỉ: xóm T, Xã X, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Thân: Bà LTT; sinh năm: 1948; địa chỉ: xóm T, Xã X, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về đất và tài sản trên đất:

Phần tài sản chia cho chị NTB gồm: phần đất phía Nam của thửa đất số 115, tờ bản đồ số 6 tại xóm X (Nay là xóm X), xã L, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Với tổng diện tích: 395,4m^2 (Trong đó có 100m^2 đất ở, 295,4 m^2 đất trồng cây hàng năm khác), có tứ cận như sau: Phía Tây giáp đường có chiều dài cạnh thửa từ điểm 1 đến 2 là: 23,57m; Phía Bắc giáp với phần đất chia cho anh Đông có chiều dài kéo từ điểm 2 đến điểm 19 là 11,12m; từ điểm 19 đến điểm số 18 là 10,15m. Phía Đông giáp đất ông HNP và giáp một phần đất chia cho anh Đông, có chiều dài cạnh thửa từ điểm 18 đến điểm 17 là 1m; từ 17 đến 20 dài 18,26m. Phía Nam giáp đường xóm và một phần giáp với đất ông HNP gồm các đoạn từ điểm 20 đến đến điểm 21 dài 3,0m; từ điểm 21 đến điểm 22 dài 12,05m; từ điểm 22 đến điểm số 1 dài 0,49 m.

Phần tài sản trên đất thuộc phần đất của chị Bình được chia, thuộc quyền sở hữu của chị Bình.

Phần tài sản chia cho anh NVD gồm: phần đất phía Bắc của thửa đất số 115, tờ bản đồ số 6 tại xóm X (Nay là xóm X), xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An với tổng diện tích: 846,7m^2 (Trong đó có 100m^2 đất ở, 746,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), có tứ cận như sau: Phía Tây giáp đường có chiều dài cạnh thửa từ điểm 2 đến điểm 3 là: 11,22m; Phía Bắc giáp với phần đất của chị NTL, ông DDT và ông LD có chiều dài kéo từ điểm 3 đến điểm 4 là 14,17m; từ điểm 4 đến điểm 5 là 8,48m; từ điểm 5 đến điểm 6 là 9,06m; từ điểm 6 đến điểm 7 là 7,88m; từ điểm 7 đến điểm 8 là 4,32m; từ điểm 8 đến điểm 9 là 20m; từ điểm 9 đến điểm 10 là 9,87m. Phía Đông giáp đất ông LD có chiều dài cạnh thửa từ điểm 10 đến điểm 11 là 6,81m. Phía Nam giáp phần đất được chia cho chị B và một phần giáp với đất ông HNP có chiều dài cạnh thửa từ điểm 11 đến điểm 12 là: 18,52m; từ điểm 12 đến điểm 13 là

15,95m; từ điểm 13 đến điểm 14 là 5,75m, từ điểm 14 đến điểm 15 là 2,9m; từ điểm 15 đến điểm 16 là 9,41m; từ điểm 16 đến điểm 17 là 1,54m; từ điểm 17 đến điểm 18 là 1m; từ điểm 18 đến điểm 19 là 10,15m; từ điểm 19 đến điểm 2 là 11,12m.

Phần tài sản trên đất thuộc phần đất của anh Đông được chia là toàn bộ nhà ở, công trình xây dựng thuộc quyền sở hữu của anh Đông.

Các đương sự có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất của bên kia được chia khi bên còn lại có yêu cầu và tự chịu toàn bộ chi phí, thiệt hại khi tháo dỡ công trình trên.

- *Về án phí*: Chị NTB phải chịu 7.246.375đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 4.000.000đ mà chị B đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0002101 ngày 22 tháng 4 năm 2020. Chị B còn phải nộp 3.246.375đ.

Anh NVD phải chịu 20.085.757đ (Hai mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 15.237.500đ mà anh Đ đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0002265 ngày 25 tháng 8 năm 2020. Anh NVD còn phải nộp 4.848.257 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện Hưng Nguyên;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN

Lâm Quốc Tú